

2. Những người đã được tặng khen bằng « Có công với nước » nay nếu xét thành tích xứng đáng được thưởng kỷ niệm chương « Tổ quốc ghi công » thì được xét thưởng kỷ niệm chương.

3. Những người chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định mới thì vẫn được giữ các hình thức đã được khen tặng trước đây.

4. Những bằng « Có công với nước » và những kỷ niệm chương « Tổ quốc ghi công » đã trao tặng trước đây nay được đổi lấy cái mới. Nếu bị mất thì đương sự phải khai lại thành tích để xin cái mới; việc quyết định cấp lại cái mới phải có căn cứ rõ ràng.

IV. TỜ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng khen thưởng thành tích kháng chiến các cấp tiếp tục giúp Ủy ban hành chính cùng cấp chỉ đạo thực hiện việc khen thưởng này.

Thành phần của Hội đồng cần được mở rộng để có thêm một vài cán bộ đã hoạt động lâu năm trước khởi nghĩa tham gia.

2. Việc xét thưởng, căn cứ vào tờ khai công lao thành tích, đồng thời dựa vào ý kiến của nhân dân và sự xác nhận của cán bộ hoạt động cách mạng trước đây.

Để tiến hành việc khen thưởng được tốt, không bỏ sót ai, các cán bộ cũ đã hoạt động từ trong thời kỳ bí mật, hiện công tác ở các cơ quan, các ngành, các cấp, có trách nhiệm báo cho Ủy ban hành chính các địa phương nơi mình đã hoạt động biết những người đã có công giúp đỡ Cách mạng và thành tích cụ thể của mỗi người.

3. Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh, được ủy nhiệm thẩm xét lần cuối cùng các đề nghị khen thưởng bằng « Có công với nước ».

Việc tặng thưởng kỷ niệm chương « Tổ quốc ghi công » do Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh đề nghị và Hội đồng Chính phủ quyết định.

Trong khi tiến hành, các địa phương thấy điểm nào chưa sát thì báo cáo ngay cho Phủ Thủ tướng biết để nghiên cứu bổ sung.

Hà-nội, ngày 22 tháng 8 năm 1962

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

THÔNG TƯ số 84-TTg ngày 22-8-1962 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành việc khen thưởng nhân dân có công trong kháng chiến.

Căn cứ vào pháp lệnh số 6-NQ-TVQH ngày 29 tháng 8 năm 1960 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

và bản điều lệ kèm theo, ban hành ngày 28-9-1960 về việc khen thưởng thành tích kháng chiến và căn cứ vào nghị quyết của Hội nghị thường vụ Hội đồng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành việc khen thưởng tổng kết đối với nhân dân đã có nhiều công lao và thành tích trong thời kỳ kháng chiến như sau :

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ PHƯƠNG HƯỚNG KHEN THƯỞNG NHÂN DÂN CÓ CÔNG TRONG KHÁNG CHIẾN

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi là do nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu trong tám chín năm liền, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

Sau việc khen thưởng trong quân đội, thi hành pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ đã tiến hành khen thưởng thành tích kháng chiến cho cán bộ, công nhân, viên chức của các ngành và cán bộ xã. Nay Hội đồng Chính phủ quyết định cho tiến hành việc khen thưởng nhân dân có công với kháng chiến để biểu dương thành tích kháng chiến gian khổ và vô cùng anh dũng của dân tộc ta, đồng thời để phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của nhân dân ta và động viên mọi người phấn khởi thi đua thực hiện kế hoạch Nhà nước năm năm lần thứ nhất, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Việc khen thưởng này có tác dụng lớn đối với phong trào cách mạng của đồng bào miền Nam nước ta.

Thành tích kháng chiến của nhân dân rất lớn lao và muôn hình muôn vẻ, lại gắn liền vào những sự việc xảy ra đã lâu ngày, cho nên cũng như đối với cán bộ và công nhân, viên chức thuộc các cơ quan chính quyền và đoàn thể, việc khen thưởng này tiến hành với tính chất tổng kết, dựa vào một số tiêu chuẩn phổ biến; vì vậy không thể đòi hỏi sự tính toán công bằng tuyệt đối.

Để việc khen thưởng khỏi tràn lan và có tác dụng tốt đối với quần chúng, phương hướng khen thưởng định như sau :

1. Người được khen thưởng phải có mức độ thành tích nhất định tức là đã đóng góp phần xứng đáng của mình về sức người, sức của cho kháng chiến.

2. Việc khen thưởng chủ yếu nhằm vào những người trong thời kỳ kháng chiến đã tích cực đóng góp tài năng và sức lực của mình, đã biểu thị tinh thần dũng cảm đấu tranh với địch.

Các hình thức khen thưởng là bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, huy chương Kháng chiến, huân chương Kháng chiến, và các huân chương cao hơn.

II. ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG

Đối tượng khen thưởng là những cá nhân và những gia đình đã tích cực tham gia kháng chiến hoặc tích cực giúp đỡ kháng chiến. Nhưng cán bộ xã và thôn, xóm thường xuyên có công tác mà chưa được xét thưởng theo thông tư số 15 - TTg ngày 12-1-1961 trước đây, nay được xét thưởng theo thông tư này.

III. TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Tùy theo công lao lớn hay nhỏ đối với kháng chiến, những người có thành tích được khen thưởng theo các mức như sau :

A. Tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ :

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho những người có thành tích như sau :

1. Ở các thành phố, thị xã, thị trấn bị địch chiếm đóng, hoặc ở các thôn xã có tề, nguy gian ác :

— Đã nuôi dưỡng và bảo vệ thương binh từ ba lần hoặc 15 ngày trở lên.

— Đã cho cất dấu vũ khí ở trong nhà từ ba tháng hoặc năm lần trở lên.

— Đã cho mượn nhà chuyên làm địa điểm liên lạc của các tổ chức kháng chiến từ ba tháng trở lên.

— Đã thường xuyên chứa và bảo vệ cán bộ, bộ đội, du kích từ ba tháng trở lên, hoặc chứa cán bộ về hoạt động gây cơ sở kháng chiến đầu tiên ở khu phố, đường phố, thị trấn, hoặc ở thôn.

— Đã làm công tác mật giao, chuyên đưa tài liệu, tin tức, làm liên lạc, chở đồ cho cán bộ, bộ đội, du kích từ sáu tháng trở lên.

2. Ở vùng nông thôn tạm bị chiếm (ngoài các thôn có tề, nguy gian ác) và ở vùng du kích :

— Đã nuôi dưỡng và bảo vệ thương binh từ năm lần hoặc một tháng trở lên.

— Đã cho mượn nhà để chứa vũ khí, làm kho tàng của Nhà nước từ ba tháng trở lên.

— Đã cho mượn nhà để đặt trụ sở cơ quan chính quyền, đoàn thể, quân đội, dân quân du kích từ cấp xã trở lên (Ủy ban kháng chiến hành chính xã, Chi bộ xã, Xã đội) từ một năm trở lên.

— Đã thường xuyên chứa và bảo vệ cán bộ, bộ đội, du kích từ một năm trở lên.

— Đã thường xuyên chở đồ cho cán bộ, bộ đội du kích từ một năm trở lên.

3. Ở vùng tự do và căn cứ du kích :

— Đã đón thương binh về nhà nuôi dưỡng từ một năm trở lên.

— Đã cho mượn nhà để chứa vũ khí, làm kho tàng và bảo vệ vũ khí, kho tàng từ bốn năm trở lên.

— Đã cho mượn nhà cùng các phương tiện cần thiết từ bốn năm trở lên để đặt trụ sở cơ quan chính quyền, đoàn thể, quân đội, dân quân du kích từ cấp xã trở lên. (Kể cả những nhà tu hành đã bố

trí cho mượn đền chùa, nhà thờ,... làm trụ sở cơ quan, kho tàng).

— Đã thường xuyên nuôi hoặc chứa và tích cực giúp đỡ cán bộ, bộ đội từ bốn năm trở lên.

4. Các trường hợp khác :

— Đã có những hành động dũng cảm đấu tranh với địch để bảo vệ cán bộ, bộ đội, du kích, tài sản của Nhà nước, tính mệnh và tài sản của nhân dân, bảo vệ sản xuất, bảo vệ đê điều,...

— Đã có những hành động trực tiếp gây nhiều thiệt hại cho địch; tiêu diệt, bắt sống hoặc dụ hàng được nhiều địch.

— Đã có những sáng kiến phát minh về mưu mẹo đánh địch, được nhiều người áp dụng có kết quả.

— Đã làm tròn nghĩa vụ dân công trong kháng chiến và còn xung phong đi thêm hai đợt dân công (xung phong đi từ nhà hoặc khi đang đi dân công đến hết đợt đã xung phong ở lại) mỗi đợt ít nhất là một tháng.

— Đã đi dân công phục vụ chiến dịch Điện-biên phủ mà khi hết đợt đã xung phong ở lại công tác cho đến hết chiến dịch.

— Đã đi dân công tiền phương được 12 tháng trở lên hay là sáu tháng trở lên nếu phục vụ ở vùng hậu địch hoặc nếu là đồng bào vùng rẻo cao (đi dân công tiền phương nói ở đây là thoát ly sản xuất đi làm nghĩa vụ dân công ở nơi xa như đi làm đường chiến lược, phục vụ chiến dịch,...)

— Đã hoàn thành tốt nghĩa vụ dân công trong hai đợt dân công hỏa tuyến (theo sát bộ đội ở mặt trận để vận chuyển vũ khí, lương thực, thương binh,...) hoặc đã ba lần được bình bầu là xuất sắc trong đơn vị từ Đại đội trở lên.

— Những phụ lão đã tham gia các đội lão du kích, bạch đầu quân và sinh hoạt đều đặn trong các tổ chức này từ ba năm trở lên, hoặc từ hai năm trở lên nếu là ở hậu địch; những phụ lão trong suốt thời gian kháng chiến đã gương mẫu trong mọi công tác và tích cực vận động con cháu và đồng bào tham gia kháng chiến.

— Đã luôn luôn ủng hộ kháng chiến và hy sinh một phần lớn tài sản của mình cho kháng chiến.

— Các cán bộ xã, thôn, xóm sau đây đã hoạt động được ba năm ở vùng tự do hoặc hai năm ở vùng hậu địch: ủy viên các Ban thuộc Ủy ban kháng chiến hành chính và thuộc Chi ủy xã; các Cán bộ thường xuyên có công tác như: thư ký Văn phòng Ủy ban, Văn phòng Chi bộ, Trưởng, Phó xóm, cán bộ thuế, nhân viên công an, giao thông, thông tin, giáo viên bình dân học vụ, y tế; các Ủy viên chấp hành các đoàn thể xã, các cán bộ phụ trách các đoàn thể ở thôn; bà mẹ chiến sĩ ở xã thường xuyên hoạt động và có thành tích (không phải chỉ là người nhận làm mẹ nuôi chiến sĩ); phụ trách văn phòng xã đội, thôn đội trưởng không phải là đội viên du kích.

— Cán bộ, công nhân, viên chức, thanh niên xung phong, du kích là liệt sĩ, hoặc tử sĩ mà tham

niên kháng chiến tính đến ngày 20-7-1954 vẫn chưa đủ tiêu chuẩn thời gian để thưởng huy chương Kháng chiến.

— Những người đã hy sinh trong khi đang làm nghĩa vụ kháng chiến như đi dân công, đi liên lạc, chuyên chở đồ cho cán bộ, bộ đội, du kích,...

B. Tặng thưởng huy chương Kháng chiến:

Những người có thành tích xuất sắc hoặc hy sinh nhiều trong kháng chiến như quy định dưới đây thì được xét thưởng huy chương Kháng chiến:

a) Có từ hai tiêu chuẩn thưởng bằng khen trở lên, như là: một người ở vùng tạm bị chiếm đã chữa và bảo vệ thương binh được một tháng và đã chữa và bảo vệ cán bộ được một năm; một người ở vùng tự do là cán bộ xã đã hoạt động liên tục đến 20-7-1954 được ba năm và đã đi dân công tiền phương được 12 tháng.

b) Có một tiêu chuẩn thưởng bằng khen nhưng đã đạt được thành tích xuất sắc, thí dụ:

— Người ở vùng tạm bị chiếm đã thường xuyên chữa và bảo vệ cán bộ, bộ đội về hoạt động trong ba, bốn năm.

— Vì chữa cán bộ, bộ đội, vũ khí, hoặc vì có người nhà đi bộ đội, làm cán bộ, hoặc vì đấu tranh với địch mà bị địch đốt phá nhà cửa hoặc bị địch tra tấn nhưng vẫn giữ được bí mật cho kháng chiến.

— Đã xung phong đi thêm hai đợt dân công, trong đó có một đợt đi phục vụ chiến dịch Điện-biên-phủ.

C. Tặng thưởng huân chương kháng chiến:

Huân chương Kháng chiến tặng cho những người có nhiều thành tích xuất sắc, có những thành tích đặc biệt hoặc có những hy sinh lớn lao trong kháng chiến, thí dụ như:

— Người ở vùng tạm bị chiếm đã thường xuyên chữa và bảo vệ cán bộ, bộ đội trong năm năm.

— Trong hoàn cảnh nguy hiểm như địch đến bao vây căn quết, hoặc cho máy bay đến bắn phá, đã có những hành động dũng cảm để cứu cán bộ và đồng bào, bảo vệ tài sản của nhân dân, kho tàng của Nhà nước.

— Vì chữa cán bộ, bộ đội, vũ khí mà bị địch tra tấn dã man thành tàn tật hoặc đến chết, nhưng vẫn giữ được bí mật cho kháng chiến, bảo vệ được cán bộ, vũ khí.

D. Về cách vận dụng các tiêu chuẩn khen thưởng:

1. Các tiêu chuẩn khen thưởng trên đây chỉ mới nêu lên được những loại thành tích có tính chất phổ biến, chưa bao gồm được tất cả, vì công lao thành tích của nhân dân đối với kháng chiến là muôn hình muôn vẻ. Cho nên khi xét khen thưởng không thể chỉ đơn thuần nhìn vào tiêu chuẩn này hay tiêu chuẩn khác mà phải nhìn chung cả toàn bộ sự cống hiến của mỗi người cho kháng chiến để cân nhắc, đánh giá và định mức khen thưởng cho thích đáng. Thí dụ: một người xét riêng về

từng tiêu chuẩn thì không được bằng khen, nhưng nếu người đó có suýt soát hai tiêu chuẩn hoặc có quá nửa ba tiêu chuẩn thì cũng có thể được đề nghị thưởng bằng khen.

2. Cũng vì lý do trên cho nên trên đây không quy định tiêu chuẩn cụ thể cho mỗi hạng huy chương và huân chương. Khi xét thành tích, các Ủy ban hành chính sẽ cân nhắc từng trường hợp cụ thể mà đề nghị.

3. Đối với những vùng căn cứ du kích và vùng luôn luôn bị địch uy hiếp thì khi vận dụng các tiêu chuẩn khen thưởng, cần chiếu cố đến điều kiện hoạt động khó khăn trong từng thời gian mà có sự chăm chú thích đáng.

4. Đối với nhân dân các vùng rẻo cao, hải đảo, vì điều kiện tham gia kháng chiến có nhiều khó khăn hơn các vùng khác, nên trong việc khen thưởng cần có sự chăm chú như:

a) Cán bộ xã, thôn, xóm được hưởng tiêu chuẩn quy định cho người hoạt động ở vùng hậu địch.

b) Nhân dân thuộc các dân tộc sống chủ yếu vào nghề làm nương rẫy được chăm chú 1/6 thời gian tham gia công tác kháng chiến hoặc giúp đỡ kháng chiến quy định ở trên.

5. Cách tính thời gian đạt thành tích:

a) Trường hợp đang chữa cán bộ hoặc cho mượn nhà làm địa điểm liên lạc, làm kho tàng, chữa vũ khí, đặt trụ sở cơ quan... mà bị lộ, bị địch khủng bố nhưng vẫn giữ được bí mật cho kháng chiến thì dù chưa đủ điều kiện thời gian quy định ở các tiêu chuẩn nói trên cũng được xét khen thưởng.

b) Vì điều kiện phục vụ kháng chiến của nhân dân không được thường xuyên và liên tục như cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, nên cách tính thời gian lập thành tích của nhân dân cần phải đơn giản và có thể cộng các thời gian trước và sau để xét thưởng. Thí dụ: những trường hợp sau đây có thể được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

— Ở vùng du kích, năm 1950 chữa cán bộ được sáu tháng, năm 1952 được bốn tháng và năm 1954 được hai tháng (cộng là một năm).

— Ở thành phố bị địch chiếm, năm 1951 đã cất dấu vũ khí ở trong nhà hai tháng, năm 1952 đã chữa và bảo vệ cán bộ một tháng (cộng là ba tháng.)

Nói chữa cán bộ sáu tháng có nghĩa là trong sáu tháng đó cán bộ thường xuyên lui tới, ăn, ở chứ không phải ngày nào, tuần nào cán bộ cũng đến và không phải chữa đủ 180 ngày.

c) Các cán bộ, công nhân, viên chức, du kích, thanh niên xung phong, chưa đủ tiêu chuẩn thời gian để được tặng thưởng Huy chương hay Huân chương Kháng chiến theo Thông tư số 15 - TTg ngày 12-1-1961, mà có thời gian công tác là cán bộ xã, thôn, xóm thuộc diện khen thưởng quy định ở thông tư này thì được cộng hai thời gian lại để được xét thưởng theo thông tư này. Thí dụ: một người đã có quá trình công tác như sau:

tính phụ trách theo thủ tục đã quy định về việc khen thưởng Huân chương, Huy chương Kháng chiến cho cán bộ.

Những điều quy định trên đây còn có tính chất chung. Trong quá trình thi hành Ủy ban các cấp thấy có những điểm gì chưa được sát, hoặc thiếu sót thì phản ảnh ngay lên Thủ Thủ tướng để nghiên cứu bổ sung.

Hà-nội, ngày 22 tháng 8 năm 1962

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

THÔNG TƯ số 86-TTg ngày 22-8-1962 về việc thi hành nghị định số 14-CP quy định thành phần quỹ tiền lương.

Ngày 1 tháng 2 năm 1961 Hội đồng Chính phủ đã ra nghị định số 14-CP ban hành bản quy định tạm thời về thành phần quỹ tiền lương. Nhưng sau khi Hội đồng Chính phủ ra nghị định số 218-CP ngày 27 tháng 12 năm 1961 ban hành điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm, thì nội dung quỹ tiền lương có một số điểm không còn thích hợp, đồng thời do yêu cầu phải quản lý chặt chẽ kế hoạch lao động cũng như quỹ tiền lương đang thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước năm nay cũng như các năm sau, Thủ tướng Chính phủ ra thông tư này nhằm nói rõ một số điểm sau đây trong việc thi hành nghị định số 14-CP cho phù hợp với các điều kiện và yêu cầu mới:

1. Đi đôi với việc ban hành chế độ bảo hiểm xã hội, các khoản trợ cấp sau đây kể từ ngày 1-1-1962 sẽ không thuộc quỹ tiền lương mà thuộc vào quỹ bảo hiểm xã hội:

a) Tiền trợ cấp cho cán bộ, công nhân, viên chức trong thời gian nghỉ việc vì ốm đau;

b) Tiền trợ cấp cho nữ cán bộ, công nhân, viên chức trong thời gian nghỉ đẻ;

c) Tiền trợ cấp thời việc cho cán bộ, công nhân, viên chức, vì tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp, vì mất sức lao động, vì hết khả năng lao động được về hưu trí.

2. Do việc cải tiến chế độ lương cho các xí nghiệp công tư hợp doanh, các cơ sở công tư hợp doanh nào đã thống nhất thi hành chế độ tiền lương của Nhà nước cũng phải áp dụng nghị định số 14-CP và thông tư này để hạch toán quỹ tiền lương.

Các cơ sở công tư hợp doanh nào chưa thống nhất thi hành chế độ tiền lương của Nhà nước, các hợp tác xã (không kể hợp tác xã nông nghiệp), các tổ chức dân lập, nếu lấy việc phân phối thu nhập cho công nhân viên chức, xã viên bằng hình thức tiền lương thì cũng phải dần dần áp dụng nghị định số 14-CP và thông tư này để hạch toán quỹ tiền lương trong phạm vi cơ sở, đơn vị mình.

3. Để quản lý chặt chẽ kế hoạch lao động và quỹ tiền lương, kể từ năm 1963, quỹ tiền lương của Nhà nước cũng như của các xí nghiệp, công trường, lâm trường, nông trường, cửa hàng, cơ quan, v.v... phải bao gồm toàn bộ tiền lương và tiền công trả cho tất cả các loại cán bộ, công nhân, viên chức (cả thường xuyên và tạm thời) không kể tiền lương, hoặc tiền công đó thuộc nguồn chi phí nào dài thọ.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Lao động hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện điều quy định này cho phù hợp với tình hình và khả năng quản lý của ta hiện nay.

Hà-nội, ngày 22 tháng 8 năm 1962

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

THÔNG TƯ số 1451-BCNNg-CDKT ngày 22-6-1962 về việc Giám đốc xí nghiệp duyệt tổng kết tài sản.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

Kính gửi: các Ông Giám đốc các xí nghiệp sản xuất,
các Ông Trưởng Ban chỉ huy công trường
các Ông Giám đốc các đơn vị sự nghiệp.

Việc kiểm tra kế toán vừa qua tại các xí nghiệp, công trường đã phát hiện một hiện tượng phổ biến là hầu hết các Ông Giám đốc, Phó Giám đốc xí nghiệp, công trường, đơn vị sự nghiệp không xem kỹ bản tổng kết tài sản của đơn vị mình. Đó là một thiếu sót lớn.

Không đọc kỹ bản tổng kết tài sản sẽ làm cho công tác quản lý kinh tế, tài chính sa vào tình trạng sau đây:

1. Không nắm được chính xác các loại vốn, không được biết hiệu quả kinh tế (hiệu suất sử dụng vốn, mức doanh lợi), do đó thiếu cơ sở để đặt kế hoạch cải tiến quản lý sản xuất, xây dựng.

2. Không nắm được tình hình sử dụng vốn nên thường dễ xảy ra việc sử dụng vốn lãn lộn và lãng phí.

3. Không phát hiện được kịp thời những chi tiêu không đúng chế độ, sai nguyên tắc, ngoài kế hoạch, để công nợ dầy dụa, không thu nộp đủ, đúng và vượt mức cho Nhà nước.